Phụ lục 04

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ SỐ 27/2018/TT-BNNPTNT NGÀY 16/11/2018 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, TRUY XUẤT NGUỒN GỐC LÂM SẢN

(Kèm theo văn bản số: 559/TCLN-PCTT ngày 25/4/2019 của Tổng cục Lâm nghiệp

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (sau đây viết tắt là Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT), với những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Căn cứ pháp lý

Luật Lâm nghiệp năm 2017 giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành một số nội dung sau:

- Khoản 3 Điều 38 Luật Lâm nghiệp quy định: "*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ và động vật rừng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.";*

- Khoản 5 Điều 42 Luật Lâm nghiệp quy định: *"Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp, trình tự, thủ tục quản lý nguồn gốc lâm sản.";*

- Điểm c khoản 2 Điều 72 Luật Lâm nghiệp quy định: *"Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ truy xuất nguồn gốc và đánh dấu mẫu vật các loài quy định tại điểm a và điểm b khoản này.".*

2. Cơ sở thực tiễn

Qua đánh giá tổng kết thực tiễn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý lâm sản; đã phát hiện một số hạn chế, bất cập không còn phù hợp với thực tiễn với những nội dung chủ yếu sau:

Thủ tướng Chính phủ đã có chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên. Các quy định về khai thác gỗ từ rừng tự nhiên hiện hành không còn phù hợp với chủ trương, yêu cầu quản lý hiện nay.

Ngành công nghiệp chế biến gỗ ngày càng phát triển, cùng với đó là gỗ nguyên liệu nhập khẩu ngày càng nhiều và sản phẩm gỗ xuất khẩu ngày càng tăng; kèm theo đó phải đáp ứng được yêu cầu về truy xuất nguồn gốc hợp pháp của các thị trường nhập khẩu. Các quy định về khai thác gỗ rừng trồng, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ hiện hành cần điều chỉnh, bổ sung để tạo điều kiện thông thoáng cho khai thác gỗ rừng trồng, sản xuất và xuất khẩu đồ gỗ.

Đáp ứng quy định về đánh dấu mẫu vật xuất khẩu theo quy định của Công ước CITES. Hài hoà hoá các quy định cụ thể về hồ sơ nguồn gốc lâm sản hợp pháp và truy xuất nguồn gốc lâm sản theo Hiệp định VPA/FLEGT và đòi hỏi của người tiêu dùng và các thị trường nhập khẩu khác.

Đảm bảo các yêu cầu về cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính: hiện nay, một số thủ tục hành chính không còn phù hợp với thực tiễn; thực hiện quan điểm phải tạo thông thoáng trong kinh doanh, chế biến xuất khẩu lâm sản.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 38, khoản 5 Điều 42 và điểm c khoản 2 Điều 72 Luật Lâm nghiệp;

Cụ thể hoá các quy định tại các điều, khoản của Luật Lâm nghiệp, Công ước CITES và Hiệp định VPA/FLEGT; Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về Lâm nghiệp, đồng thời cắt giảm và đơn giản hoá các thủ tục hành chính.

Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT thay thế 09 văn bản quy phạm pháp luật và 01 Điều của văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành trước đây, cụ thể:

(1) Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm;

(2) Quyết định số 107/2007/QĐ-BNN ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý và đóng búa bài cây, búa Kiểm lâm ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

(3) Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thiết kế khai thác chọn gỗ rừng tự nhiên;

(4) Thông tư số 70/2011/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 về hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2009 về hướng dẫn thiết kế khai thác chọn gỗ rừng tự nhiên của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

(5) Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;

(6) Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;

(7) Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản;

(8) Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản;

(9) Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/02/2010;

(10) Điều 2 Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.

2. Quan điểm

- Thông tư đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Thực hiện chủ trương hạn chế thực hiện các thủ tục xin phép mà chuyển sang hậu kiểm của cơ quan quản lý nhà nước; chủ lâm sản tuân thủ pháp luật, tự kê khai và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự hợp pháp của lâm sản; gắn quyền, lợi ích hợp pháp và trách nhiệm của người dân địa phương khi tham gia các hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Các quy định tại Thông tư phải cụ thể, chi tiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đảm bảo tính khả thi, chặt chẽ, thuận tiện trong triển khai thực hiện. Bảo đảm giảm thiểu và đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo điều kiện thông thoáng trong trồng rừng, khai thác, chế biến lâm sản, thương mại nội địa và xuất khẩu.

- Kế thừa những nội dung phù hợp tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời khắc phục những tồn tại, bất cập; bổ sung những quy định mới phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp, Công ước CITES, Hiệp định VPA/FLEGT và thực tiễn quản lý.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ

1. Bố cục của Thông tư

Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT có 06 Chương với 45 điều và Phụ lục gồm 13 mẫu biểu, được kết cấu như sau:

- Chương I: Quy định chung; gồm 7 điều, từ Điều 1 đến Điều 7.

- Chương II: Trình tự, thủ tục khai thác thực vật rừng thông thường, động vật rừng thông thường; gồm 8 điều, từ Điều 8 đến Điều 15.

- Chương III: Hồ sơ lâm sản hợp pháp; gồm 18 điều, từ Điều 16 đến Điều 33.

- Chương IV: Đánh dấu mẫu vật: gồm 3 điều, từ Điều 33 đến Điều 35.

- Chương V: Kiểm tra truy xuất nguồn gốc lâm sản: gồm 7 điều, từ Điều 36 đến Điều 42.

- Chương VI: Tổ chức thực hiện: gồm 03 điều, từ Điều 43 đến Điều 45.

- Phụ lục: có 13 mẫu biểu, từ Mẫu số 01 đến Mẫu số 13.

2. Nội dung cơ bản của Thông tư

2.1. Chương I. Quy định chung

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, xác định số lượng, khối lượng lâm sản, quy định về bảng kê lâm sản và trình tự, thủ tục xác nhận bảng kê lâm sản.

a) Phạm vi điều chỉnh được xác định căn cứ vào 3 nhiệm vụ quy định tại khoản 3, Điều 38; khoản 5, Điều 42 và khoản 2, Điều 72 của Luật Lâm nghiệp. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khả thi, Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT có một số nội dung thay đổi so với quy định của Luật Lâm nghiệp, cụ thể:

Theo quy định tại khoản 3, Điều 38: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ và động vật rừng thông thường. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đang chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên. Vì vậy Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT không quy định khai thác chính rừng tự nhiên, chỉ quy định, hướng dẫn trình tự, thủ tục khai thác tận dụng, tận thu rừng tự nhiên.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 42 "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp, trình tự, thủ tục quản lý nguồn gốc lâm sản". Tuy nhiên, thực tiễn việc quản lý nguồn gốc lâm sản và

truy xuất nguồn gốc lâm sản được thực hiện thông qua hoạt động kiểm tra lâm sản và hồ sơ nguồn gốc lâm sản hợp pháp đã được quy định tại Chương II của Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT để xác định lâm sản có hợp pháp hay không. Do vậy, Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT quy định trình tự, nội dung kiểm tra truy xuất nguồn gốc lâm sản quy định tại Chương V và không quy định trình tự, thủ tục quản lý nguồn gốc lâm sản.

Theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 72 "Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ truy xuất nguồn gốc và đánh dấu mẫu vật các loài quy định tại điểm a và điểm b khoản này". Theo đó, chỉ đánh dấu đối với mẫu vật các loài thuộc Phụ lục CITES và các loài nguy cấp, quý, hiếm trong kinh doanh. Tuy nhiên, để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đáp ứng việc truy xuất nguồn gốc lâm sản, Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT bổ sung quy định đánh dấu đối với cả sản phẩm gỗ hoàn chỉnh khi mua bán, xuất khẩu.

b) Đối tượng phải thực hiện xác nhận bảng kê lâm sản theo quy định tại Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT có thay đổi so với quy định trước đây

Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT chỉ quy định cơ quan có thẩm quyền xác nhận vào bảng kê lâm sản đối với 03 đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6; so với Thông tư 01, Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT bỏ quy định xác nhận vào bảng kê lâm sản đối với thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường khai thác từ rừng tự nhiên trong nước chưa biến; lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu chưa qua chế biến ở trong nước của tổ chức, cá nhân xuất bán; lâm sản sau xử lý tịch thu chưa chế biến của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất bán; lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng tự nhiên trong nước, gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất bán.

Những thay đổi trên để đảm bảo yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thông thoáng trong sản xuất, chế biến, kinh doanh lâm sản, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp, các Hiệp ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các thoả thuận song phương, nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng lâm sản hợp pháp.

c) Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT quy định thẩm quyền xác nhận bảng kê lâm sản là cơ quan Kiểm lâm sở tại; không quy định thẩm quyền xác nhận bảng kê lâm sản của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hạt Kiểm lâm khu rừng đặc dụng và Hạt Kiểm lâm khu rừng phòng hộ. Quy định như trên để đảm bảo thống nhất trong theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp và xử lý khi có vi phạm.

2.2. Chương II. Trình tự, thủ tục khai thác thực vật rừng thông thường, động vật rừng thông thường

Căn cứ chế độ sở hữu rừng tại Điều 7 Luật Lâm nghiệp; Chương này quy định khai thác về trình tự thủ tục khai thác tận dung, tận thu gỗ rừng tự nhiên; khai thác gỗ rừng trồng theo chế độ sở hữu rừng và quy định về khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên. Chương II được xây dựng trên cơ sở các quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; xem xét, kế thừa các quy định tại Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT; Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT (sau đây viết chung là Thông tư 21).

Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT bỏ quy định khai thác gỗ phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ. Các quy định về tiêu chí kỹ thuật, biện pháp lâm sinh; quy định về đối tượng, điều kiện, phương thức khai thác; quy định khai thác rừng phòng hộ, rừng đặc được quy định cụ thể tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT đã đơn giản các quy định về trình tự, thủ tục khai thác lâm sản thông thường. Theo đó, trước khai thác, chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân được giao khai thác chỉ cần lập báo cáo địa danh, diện tích, khối lượng lâm sản dự kiến khai thác hoặc phương án khai thác tận dụng, tận thu gỗ theo mẫu cụ thể tại Mẫu số 07, Mẫu số 08 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT và gửi các tài liệu này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giám sát, kiểm tra; sau khai thác chủ rừng tự lập bảng kê lâm sản. Cơ quan Kiểm lâm có thẩm quyền kiểm tra quá trình thực hiện của chủ rừng, của tổ chức, cá nhân khai thác.

Việc khai thác lâm sản thuộc loài nguy cấp, quý hiếm phải tuân thủ trình tự, thủ tục khai thác do Chính phủ quy định tại Nghị định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Vì vậy, đối với những trường hợp khai thác tận thu rừng tự nhiên, khai thác động vật rừng có lâm sản thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; đề nghị cơ quan Kiểm lâm địa phương hướng dẫn thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục khai thác đối với loài nguy cấp, quý, hiếm.

2.3. Chương III. Hồ sơ lâm sản hợp pháp:

Kế thừa các quy định về hồ sơ nguồn gốc lâm sản tại Thông tư 01; Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT quy định chung về hồ sơ nguồn gốc lâm sản bao gồm hồ sơ nguồn gốc lâm sản thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm và loài thông thường.

Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT đã đơn giản hóa quy định về hồ sơ nguồn gốc lâm sản theo quan điểm chủ lâm sản tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của lâm sản và được thể hiện cụ thể tại bảng kê lâm sản kèm theo lâm sản khi mua bán, vận chuyển, xuất khẩu. Vì vậy, Thông tư 27/2018/TT-

BNNPTNT có 04 mẫu bảng kê cho các loại lâm sản khác nhau (Thông tư 01 chỉ có 01 mẫu bảng kê lâm sản), trong đó quy định chi tiết cách ghi để thuận tiện cho truy xuất nguồn gốc lâm sản khi cần thiết; trong mẫu bảng kê lâm sản có cả cột để ghi số hiệu, tem, nhãn đánh dấu (nếu có) để thuận tiện cho truy xuất nguồn gốc lâm sản.

Thực hiện quan điểm quản lý chặt chẽ đối với lâm sản có nguồn gốc từ rừng tự nhiên ngay sau khi khai thác; tạo thông thoáng và do chủ lâm sản tự chịu trách nhiệm đối với lâm sản đã chế biến. Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT phân biệt và quy định hồ sơ nguồn gốc đối với lâm sản chưa chế biến và đã chế biến khi mua bán, vận chuyển, xuất khẩu.

Để có căn cứ truy xuất nguồn gốc lâm sản, tại các Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT quy định về bản sao hồ sơ nguồn gốc lâm sản của chủ lâm sản bán kèm theo lâm sản khi mua bán, vận chuyển. Tài liệu này là bản sao hồ sơ nguồn gốc lâm sản của tổ chức, cá nhân bán lâm sản xuất bán cho người mua kèm theo lâm sản đó. Trong trường hợp phải xác nhận vào bảng kê lâm sản mà có nghi ngờ về nguồn gốc lâm sản thì người có thẩm quyền tiến hành xác minh theo quy định tại Điều 7 Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT trước khi xác nhận bảng kê lâm sản.

Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT không quy định cụ thể về hóa đơn tài chính kèm theo hồ sơ nguồn gốc lâm sản, vì các loại hàng hóa nói chung, trong đó có hàng hóa lâm sản đều phải thực hiện quy định chung về hóa đơn của Bộ Tài Chính.

2.4. Chương IV. Đánh dấu mẫu vật

Quy định đánh dấu mẫu vật là việc thực hiện, cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Lâm nghiệp. Đây là quy định mới, mục đích để tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý lâm sản, truy xuất nguồn gốc lâm sản và phù hợp chung với xu thế phát triển và yêu cầu quản lý. Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT mở rộng đối tượng đánh dấu mẫu vật đối với sản phẩm gỗ hoàn chỉnh khi mua bán.

Mẫu vật là đối tượng đánh dấu quy định tại Điều 33 Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT được hiểu bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm (bao gồm cả gỗ, sản phẩm từ gỗ, sản phẩm từ động vật rừng); các loài thuộc phụ lục CITES bao gồm động vật, thực vật hoang dã nguy cấp còn sống hay đã chết, bộ phận, dẫn xuất dễ dàng nhận biết có nguồn gốc từ loài đó và sản phẩm gỗ hoàn chỉnh khi mua bán.

Việc đánh dấu mẫu vật do chủ lâm sản là tổ chức, cá nhân tự thực hiện, tự quyết định về chất liệu, kích thước, hình thức của nhãn đánh dấu và tự chịu trách nhiệm về các thông tin trên nhãn đánh dấu.

Đối với mẫu vật là lâm sản sau xử lý tịch thu chưa phát mại là tài sản thuộc sở hữu toàn dân; tổ chức đang quản lý lâm sản đó là đại diện cho nhà

nước để quản lý tài sản sẽ không thực hiện đánh dấu mẫu vật. Sau khi phát mại theo quy định của pháp luật thì chủ lâm sản sẽ thực hiện đánh dấu mẫu vật theo quy định.

2.5. Phụ lục của Thông tư

Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT có Phụ lục gồm 13 mẫu biểu, các mẫu số này đều có chú thích hướng dẫn chi tiết, cụ thể cách sử dụng, cách ghi. Trong đó, 04 mẫu bảng kê lâm sản là tài liệu quan trọng, luôn đi kèm theo lâm sản; là tài liệu để truy xuất nguồn gốc lâm sản. Khác với 01 mẫu bảng kê lâm sản theo Thông tư 01, 04 bảng kê lâm sản theo Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT có các nội dung chi tiết về thông tin của chủ lâm sản, thông tin nguồn gốc lâm sản, phương tiện vận chuyển, số hiệu, nhãn đánh dấu mẫu vật lâm sản, khối lượng, trọng lượng lâm sản v.v..

- Cách ghi bảng kê lâm sản được quy định cụ thể tại Điều 5 của Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT và theo chú thích tại cuối mẫu bảng kê. Khi ghi số hiệu gỗ vào bảng kê theo mẫu số 01 cần phân biệt giữa số hiệu gỗ với nhãn đánh dấu gỗ (nếu có).

- Chủ rừng, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của chủ rừng được sử dụng mẫu biên bản kiểm tra lâm sản và mẫu biên bản kiểm tra khai thác lâm sản ban hành theo Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT khi kiểm tra lâm sản hoặc kiểm tra khai thác lâm sản trong diện tích rừng được giao.

- Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT không quy định việc áp dụng, in thống nhất ấn chỉ trong cả nước. Tuy nhiên, tùy theo tình hình từng địa phương, để thống nhất, tăng cường hiệu quả và chất lượng quản lý, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh có thể tham mưu, đề xuất thực hiện việc in, áp dụng thống nhất ấn chỉ biên bản kiểm tra, sổ theo dõi xác nhận bảng kê lâm sản trong địa bàn hoạt động của mình.

TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP